TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/DS-ST
Ngày 24 – 7 – 2019
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 154/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Tuyết C, sinh năm 1965. Cư trú tại: Ấp Tân Long A, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Chí T. Cư trú tại: Ấp Tân Long A, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Truy Hồng N, sinh năm 1989. Cư trú tại: Ấp Tân Long A, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Bà Dương Tuyết C trình bày:* Bà C tham gia hụi do ông Nguyễn Chí T và bà Truy Hồng N làm đầu thảo, gồm:

+ Dây hụi mở ngày 25/7/2009, loại hụi 500.000 đồng, tháng khui 01 lần, gồm 45 phần, bà C tham gia 01 phần, bà đã đóng được 39 kỳ thì ông T,

bà N tuyên bố bể hụi vào ngày 12/9/2012 âm lịch. Số tiền thực đóng của dây hụi này bình quân khoảng 310.000 đồng/lần.

+ Dây hụi mở ngày 10/5/2011, loại hụi 1.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, gồm 45 phần, bà C tham gia 01 phần, đóng được 17 kỳ thì ông T, bà N tuyên bố bể hụi cũng vào thời gian như trên. Số tiền thực đóng của dây hụi này bình quân khoảng 700.000 đồng/lần.

Khi ông T, bà N tuyên bố đình hụi, bà nhiều lần yêu cầu trả số tiền tương ứng với số tiền đã đóng của hai dây là 36.500.000 đồng nhưng ông T, bà N vẫn không thực hiện nên bà khởi kiện yêu cầu ông T, bà N trả lại số tiền nêu trên.

* *Đối với ông Nguyễn Chí T và bà Truy Hồng N:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng các đương sự này không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với ông Nguyễn Chí T và bà Truy Hồng N: Sau khi thụ lý vụ án, cán bộ tống đạt đã đến địa chỉ nơi các đương sự có hộ khẩu để tống đạt các văn bản tố tụng nhưng các đương sự không có ở địa phương nên Tòa án không thực hiện việc tống đạt trực tiếp theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đây là thuộc trường hợp các đương sự không thông báo cho Tòa án biết việc thay đổi địa chỉ nên Tòa án thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Ông T và bà N được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định pháp luật.

[3] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng:

Theo danh sách hụi và bảng kê nợ hụi có xác nhận của ông Dương Văn Ch, ông Trịnh Minh D, ông Nguyễn Chí C và bà Đinh Thúy H thể hiện bà C có tham gia 01 chưng của dây hụi 500.000 đồng khui vào ngày 25/7/2009 và 01 chưng trong dây hụi 1.000.000 đồng khui vào ngày 10/5/2011. Các dây hụi này ông T, bà N đã tuyên bố đình hụi vào ngày 12/9/2012 âm lịch. Đối chiếu với thời gian mở hụi và thời gian đình hụi thì số lần đóng của dây hụi 500.000 đồng được 39 lần và dây hụi 1.000.000 đồng đóng được 17 lần. Do đó, lời trình bày của bà C là có căn cứ. Mặt khác, ông T, bà N không có ý kiến phản đối với yêu cầu của bà C nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc khác, đến thời

điểm này các dây hụi đã mãn thời gian dài nhưng bà C chỉ yêu cầu trả lại số tiền hụi chết tương ứng số lần đã đóng là phù hợp. Do đó, buộc ông T, bà N trả lại 36.500.000 đồng cho bà C là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T, bà N phải chịu là: 36.500.000 đồng x 5% = 1.825.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 177, Điều 179 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Tuyết C. Buộc ông Nguyễn Chí T và bà Truy Hồng N trả cho bà C số tiền hụi là 36.500.000 đồng (ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà C cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông T, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông T và bà N phải chịu là 1.825.000 đồng (một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) (chưa nộp).

- Bà C không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà C số tiền 913.000 đồng (chín trăm mười ba nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009069 ngày 20/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.